CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHÍNH SÁCH THU HÚT FDI HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ThS. Trần Đỗ Bảo Châu*

Thông qua kết quả khảo sát đối với 515 người làm việc trong các doanh nghiệp có vốn FDI, doanh nghiệp nội địa có liên kết với FDI, cơ quan quản lý nhà nước và viện nghiên cứu/trường đại học, nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách thu hút FDI hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 nhân tố có ảnh hưởng tích cực đến Chính sách thu hút vốn FDI, được sắp xếp theo thứ tự tác động từ cao đến thấp như sau: Kết nối khu vực; Môi trường sống làm việc; Dịch vụ công; Nguồn nhân lực; Chất lượng thể chế; Thể chế tài chính. Đồng thời, Chính sách thu hút vốn FDI cũng có tác động tích cực đến Phát triển bền vững.

• Từ khóa: *chính sách thu hút FDI, phát triển bền vững, chất lượng thể chế, nguồn nhân lực.*

Through a survey of 515 people working in FDI-funded enterprises, domestic enterprises linked to FDI, state management agencies, and research institutes/ universities, this study aims to analyze the factors influencing FDI attraction policies towards sustainable development in Vietnam today. The research results show that there are 6 factors that positively influence FDI attraction policies, arranged in order of impact from highest to lowest as follows: Regional connectivity; Living and working environment; Public services; Human resources; Institutional quality; Financial institutions. Simultaneously, FDI attraction policies also have a positive impact on sustainable development.

• Key words: *FDI attraction policy, sustainable development, institutional quality, human resources.*

Ngày nhận bài: 25/3/2026
Ngày gửi phản biện: 26/4/2026
Ngày duyệt đăng: 13/5/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i313.33

Đặt vấn đề

Vốn FDI đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của Việt Nam, giúp thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng lực sản xuất và chuyển giao công nghệ. Trong bối cảnh Việt Nam hướng tới phát triển bền vững, việc thu hút vốn FDI càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần phải nhận diện rõ các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách thu hút FDI trong việc thúc đẩy phát triển bền vững.

Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết chiết trung (Eclectic Paradigm) được Dunning (2015) phát triển từ năm 1977 nhằm giải thích cho sự mở rộng hoạt động đầu tư của các công ty đa quốc gia (MNC) ra nước ngoài dựa trên 3 lợi thế cạnh tranh chính gồm: lợi thế sở hữu, lợi thế địa điểm và lợi thế nội địa hóa. Mặc dù còn một số chỉ trích về tính khái quát hay không thể giải thích các hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Lý thuyết chiết trung của Dunning vẫn được sử dụng như là nền tảng lý thuyết cho các nghiên cứu thực nghiệm nhằm phân tích các dòng chảy FDI trên toàn cầu.

Cũng theo Dunning (2015), nguồn nhân lực chất lượng cao và phí nhân công thấp cũng được xem như là một lợi thế điểm đến trong Lý thuyết chiết trung. Có đến 50 nghiên cứu trong tổng số 112 nghiên cứu từ năm 2000 đến năm 2018 khẳng định nhân tố nguồn nhân lực và chi phí nhân công có ảnh hưởng quan trọng trong việc ra quyết định điểm đến của nhà đầu tư nước ngoài; địa phương có nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ có xu hướng thu hút nhà đầu tư nước ngoài thâm dụng vốn, trong khi các nhà đầu tư thâm dụng lao động sẽ có xu hướng tìm đến các địa phương có chi phí nhân công rẻ hơn một cách tương đối (Islam và Beloucif, 2024).

Nghiên cứu của Islam và Beloucif (2024) cho thấy có khoảng 44 trong số 112 nghiên cứu thực nghiệm từ năm 2000 đến năm 2018 đã xác định chất lượng hạ tầng như giao thông, viễn thông, hạ tầng tài chính và năng lượng có ảnh hưởng quan trọng đến việc thu hút các nguồn vốn FDI.

** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội; email: trandobaochau@vnu.edu.vn*

Phạm Đức Tài (2025) dựa trên mô hình PEST và đã phân tích các yếu tố tác động tới thu hút vốn FDI trong điều kiện thực hiện các FTA. Nghiên cứu đề xuất mô hình 6 yếu tố tác động đến thu hút vốn FDI trong điều kiện thực hiện các FTA gồm: Yếu tố chính trị; Yếu tố kinh tế; Yếu tố xã hội và nguồn lực; Yếu tố công nghệ; Yếu tố pháp luật; Yếu tố hội nhập. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất, để tận dụng tối đa cơ hội từ các FTA thế hệ mới đem lại, Việt Nam cần tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển hạ tầng và thúc đẩy đổi mới công nghệ.

Môi trường thể chế ổn định cũng là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến chính sách thu hút FDI. Nghiên cứu của Hương và Mai (2021) cho thấy, các nhà đầu tư quan tâm đến các thủ tục hành chính, các chính sách hỗ trợ, các trở ngại trong các hoạt động xúc tiến thương mại của chính quyền địa phương, cũng như sự bảo vệ của pháp luật đối với các hợp đồng thương mại khi quyết định đầu tư tại địa phương. Nghiên cứu của Islam và Beloucif (2024) cũng khẳng định các nhân tố về thể chế điểm đến như độ mở thương mại, chính trị ổn định, nhân tố tham nhũng, chất lượng quản trị công cũng như các chính sách đầu tư có tác động đến thu hút vốn đầu tư.

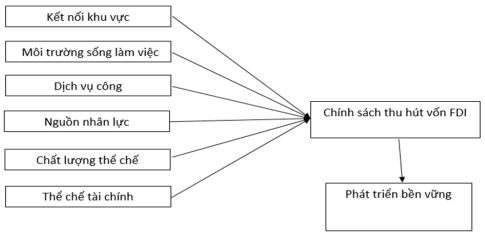
Ngo Phuc Hanh và cộng sự (2024) tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các chính sách thu hút FDI tại Việt Nam, từ đó hướng tới phát triển bền vững. Mô hình nghiên cứu đề cập đến bốn yếu tố, bao gồm chất lượng (nội dung) chính sách, thẩm quyền, người thực hiện và các biện pháp thực hiện chính sách. Nghiên cứu định lượng được áp dụng với ba kỹ thuật phân tích, bao gồm thống kê mô tả, phân tích độ tin cậy thang đo và hồi quy tuyến tính, để kiểm định giả thuyết nhằm điều tra tác động của các yếu tố này. Phân tích dữ liệu cho thấy bốn yếu tố có tác động đáng kể đến việc thực hiện các chính sách thu hút FDI tại Việt Nam, trong đó yếu tố chất lượng (nội dung) chính sách có tác động lớn nhất.

Lưu Quốc Phong, Hoàng Hoa Sơn Trà, Phan Thành Nhân (2025) tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của tỉnh Bình Dương. Với nguồn dữ liệu khảo sát từ 277 doanh nghiệp FDI, kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố: Thương hiệu điểm đến đầu tư, Cơ sở hạ tầng, Nguồn nhân lực, Chính sách hỗ trợ và Quy mô thị trường có ảnh hưởng tích cực đến Thu hút FDI. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng, góp phần phát triển ổn định và bền vững tại tỉnh Bình Dương cũng như các địa phương trên cả nước.

Mô hình nghiên cứu

Từ tổng quan nghiên cứu nói trên, mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách thu hút FDI hướng tới phát triển bền vững như Hình 1.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Tác giả đề xuất

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với tổng số mẫu khảo sát hợp lệ được sử dụng trong nghiên cứu là 515 người, bao gồm các đối tượng làm việc trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), doanh nghiệp nội địa có liên kết với FDI, cơ quan quản lý nhà nước và viện nghiên cứu/trường đại học. Thang đo sử dụng trong nghiên cứu là thang đo Likert 5 (*Nghiên cứu sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).*

Kết quả nghiên cứu

Kiểm định Cronbach's Alpha

Bảng 1: Kiểm định Cronbach's Alpha

Biến	Ký hiệu	Hệ số Cronbach's Alpha	Số biến
Phát triển bền vững	BV	.844	4
Chính sách thu hút vốn FDI	CS	.820	4
Nguồn nhân lực	NL	.828	4
Chất lượng thể chế	CL	.821	4
Thể chế tài chính	TC	.816	4
Kết nối khu vực	KN	.811	4
Môi trường sống và làm việc	MT	.824	4
Dịch vụ công	DV	.844	4

Nguồn: Phân tích từ dữ liệu nghiên cứu

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Bảng 2: Kiểm định KMO và Bartlett

Hệ số KMO		.892
Kiểm định Bartlett	Chi bình phương xấp xỉ	7354.462
	df	496
	Sig.	.000

Nguồn: Phân tích từ dữ liệu nghiên cứu

Kết quả kiểm định KMO và Bartlett ở Bảng 2 cho thấy, chỉ số KMO = 0.892, vượt ngưỡng 0.8, cho thấy mẫu dữ liệu đủ phù hợp để tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA). Đồng thời, kiểm định Bartlett có giá trị Chi-Square = 7354.462, df = 496,

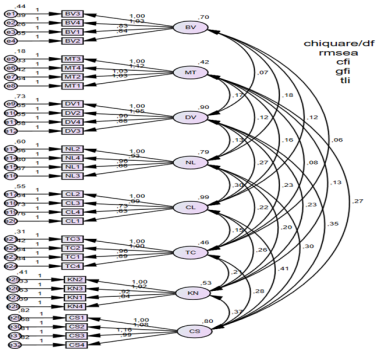
với Sig. = 0.000, nhỏ hơn 0.05, cho thấy các biến quan sát có mối tương quan tuyến tính với nhau một cách có ý nghĩa thống kê. Như vậy, dữ liệu hoàn toàn đáp ứng điều kiện để thực hiện EFA.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho thấy có 8 nhân tố được rút trích với Eigenvalue > 1, tổng phương sai trích sau khi xoay là 67.168%, đáp ứng yêu cầu tối thiểu 50% theo thang đo xã hội. Điều này cho thấy mô hình có khả năng giải thích tốt cấu trúc dữ liệu, các nhân tố được rút trích có ý nghĩa đại diện cho các nhóm biến quan sát trong nghiên cứu.

Kết quả ma trận xoay nhân tố cho thấy, có 32 biến quan sát được rút trích thành 8 nhân tố riêng biệt, đúng với mô hình lý thuyết đề xuất. Các hệ số tải nhân tố dao động từ 0.643 đến 0.823, đều lớn hơn ngưỡng 0.6, cho thấy các biến có mối quan hệ chặt chẽ với từng nhân tố. Phép xoay Varimax đảm bảo rằng mỗi biến chỉ tải mạnh vào một nhân tố duy nhất, không xảy ra hiện tượng tải chéo. Ma trận xoay đã hội tụ sau 6 vòng lặp, điều này khẳng định rằng mô hình có độ ổn định và giá trị sử dụng cao.

Phân tích nhân tố khẳng định

Hình 2: Phân tích nhân tố khẳng định

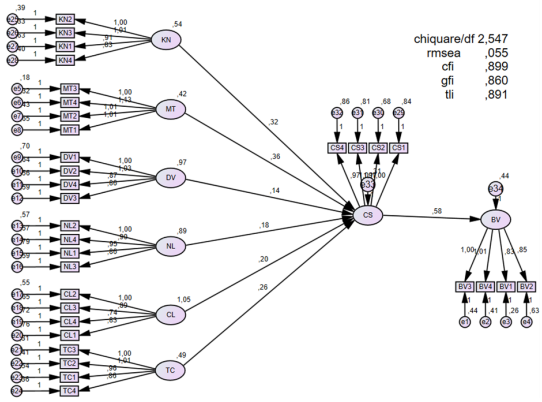


Nguồn: Phân tích từ dữ liệu nghiên cứu

Kết quả phân tích nhân tố khẳng định (CFA) ở Hình 2 cho thấy, mô hình đo lường đạt mức độ phù hợp cao với dữ liệu khảo sát. Các chỉ số đánh giá độ phù hợp mô hình đều nằm trong ngưỡng chấp nhận và khuyến nghị trong nghiên cứu định lượng: Chi-square/df = 2.048 (dưới 3), RMSEA = 0.045 (dưới 0.08), CFI = 0.935, TLI = 0.926 và GFI = 0.905 (trên 0.90). Điều này cho thấy mô hình có độ phù hợp tổng thể tốt. Bên cạnh đó, các hệ số tải chuẩn hóa của các biến quan sát đều lớn hơn 0.6, dao động từ 0.60 đến 0.99, cho thấy các biến đo lường phản ánh rõ ràng và nhất quán các biến độc lập. Như vậy, mô hình CFA đã xác nhận được giá trị hội tụ giữa các biến đo và nhân tố, đồng thời thể hiện rõ giá trị phân biệt giữa các nhân tố trong cấu trúc mô hình lý thuyết.

Mô hình cấu trúc tuyến tính

Hình 3: Mô hình cấu trúc tuyến tính



Nguồn: Phân tích từ dữ liệu nghiên cứu

Mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) ở Hình 3 được kiểm định nhằm đánh giá mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến "Chính sách thu hút FDI" và tác động của chính sách này đến "Phát triển bền vững". Kết quả cho thấy mô hình đạt mức độ phù hợp tương đối tốt với dữ liệu khảo sát: Chi-square/df = 2.547, RMSEA = 0.055 (dưới 0.08), CFI = 0.899, GFI = 0.860 và TLI = 0.891, gần tiệm cận giá trị khuyến nghị (> 0.90). Trong đó, các yếu tố như Dịch vụ công (DV) (β = 0.36), Kết nối khu vực (KN) (β = 0.54), và Chất lượng thể chế (CL) (β = 0.26) có ảnh hưởng rõ rệt đến chính sách thu hút FDI (CS). Chính sách này sau đó tác động mạnh đến phát triển bền vững (BV) với hệ số β = 0.58. Các hệ số tải chuẩn hóa của các biến quan sát đều vượt ngưỡng 0.6, cho thấy giá trị hội tụ mạnh. Mô hình cho thấy vai trò trung gian rõ nét của chính sách FDI trong việc chuyển hóa tác động từ các yếu tố thể chế, môi trường và hạ tầng thành hiệu quả phát triển bền vững.

Bảng 3: Hệ số hồi quy

Biến phụ thuộc		Biến độc lập	Hệ số	S.E.	C.R.	P
CS	<---	KN	.319	.052	6.134	***
CS	<---	MT	.357	.057	6.221	***
CS	<---	DV	.140	.036	3.896	***
CS	<---	NL	.180	.038	4.687	***
CS	<---	CL	.199	.036	5.507	***
CS	<---	TC	.258	.052	4.912	***
BV	<---	CS	.580	.067	8.644	***

Nguồn: Phân tích từ dữ liệu nghiên cứu

Kết quả phân tích hồi quy ở Bảng 3 cho thấy:

Thứ nhất, mối quan hệ giữa Kết nối khu vực và Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có hệ số hồi quy chuẩn hóa β = 0.319 với giá trị p < 0.001. Kết quả này cho thấy rằng việc thúc đẩy

liên kết vùng, phát triển chuỗi cung ứng và hạ tầng giao thông có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả của chính sách thu hút FDI tại Việt Nam.

Thứ hai, môi trường sống và làm việc tác động tích cực đến Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, với hệ số hồi quy $\beta = 0.357$ và $p < 0.001$. Đây là một trong những ảnh hưởng mạnh nhất, phản ánh tầm quan trọng của môi trường lao động ổn định, cơ sở hạ tầng xã hội đầy đủ và chất lượng sống tốt trong việc duy trì và thu hút dòng vốn đầu tư quốc tế.

Thứ ba, ảnh hưởng của Dịch vụ công đến Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được thể hiện qua hệ số $\beta = 0.140$ và $p < 0.001$. Mặc dù hệ số hồi quy ở mức vừa phải, nhưng kết quả này vẫn chỉ ra rằng dịch vụ công hiệu quả, minh bạch và dễ tiếp cận là một trong những yếu tố hỗ trợ quan trọng cho nhà đầu tư FDI.

Thứ tư, nguồn nhân lực cũng cho thấy tác động tích cực đến Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, với hệ số hồi quy chuẩn hóa $\beta = 0.180$ và $p < 0.001$. Điều này khẳng định vai trò của lực lượng lao động có kỹ năng, trình độ chuyên môn và khả năng thích ứng với công nghệ mới trong việc tạo ra lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư.

Thứ năm, chất lượng thể chế có ảnh hưởng đáng kể đến Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, với hệ số $\beta = 0.199$ và $p < 0.001$. Môi trường pháp lý ổn định, thủ tục hành chính rõ ràng và năng lực điều hành của chính quyền được xem là điều kiện nền tảng giúp Việt Nam nâng cao độ tin cậy và hấp dẫn với nhà đầu tư quốc tế.

Thứ sáu, thể chế tài chính có hệ số hồi quy $\beta = 0.258$ với $p < 0.001$, cho thấy yếu tố này đóng vai trò thiết yếu trong việc hỗ trợ chính sách FDI. Một thị trường tài chính minh bạch, chi phí vốn hợp lý và khả năng tiếp cận tín dụng thuận lợi sẽ giúp doanh nghiệp FDI yên tâm triển khai đầu tư và mở rộng sản xuất.

Thứ bảy, ảnh hưởng của Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến Phát triển bền vững là rất rõ rệt, với hệ số hồi quy $\beta = 0.580$ và $p < 0.001$. Đây là hệ số lớn nhất trong mô hình, khẳng định vai trò trung tâm của chính sách FDI trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng sống và đảm bảo cân bằng môi trường - các trụ cột của phát triển bền vững.

Kết luận và khuyến nghị

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 nhân tố có ảnh hưởng tích cực đến Chính sách thu hút vốn FDI, được sắp xếp theo thứ tự tác động từ cao đến thấp như sau: Kết nối khu vực; Môi trường sống làm việc; Dịch vụ công; Nguồn nhân lực; Chất lượng thể chế; Thể chế tài chính. Đồng thời, Chính sách thu hút vốn FDI cũng có tác động tích cực đến Phát triển bền vững.

Một số khuyến nghị trong thời gian tới

Đối với Chính phủ

Cải thiện môi trường đầu tư trong nước, hoàn thiện khung chính sách về phát triển bền vững, gắn với chia sẻ và tạo động lực cho nhà đầu tư; hỗ trợ khu vực tư nhân trong nước tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI. Thúc đẩy phát triển hạ tầng logistics, hạ tầng công nghệ, số hóa, đặc biệt là các lĩnh vực tiềm năng cho doanh nghiệp FDI. Đưa ra các chính sách ưu đãi mới thay vì tập trung vào ưu đãi thuế như trước đây. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước nâng cao trình độ công nghệ để tiếp nhận và kết nối với doanh nghiệp FDI, nâng cao năng suất lao động. Chính phủ có thể tăng cường tuyên truyền hoặc có hình thức hỗ trợ phù hợp thông qua đào tạo, xúc tiến đối với các doanh nghiệp tiềm năng còn thiếu một số điều kiện (vốn, thông tin,...), (không vi phạm các chế độ trợ cấp của Nhà nước dành cho doanh nghiệp gây cạnh tranh không lành mạnh). Về chính sách xúc tiến đầu tư: chủ động tìm kiếm, mời gọi các doanh nghiệp có tiềm năng thông qua việc tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư tại các nước có FTA với Việt Nam, kết hợp với xúc tiến hàng hóa xuất khẩu, mời các doanh nghiệp nhập khẩu, phân phối hàng hóa đến thăm các nhà sản xuất tại Việt Nam thông qua việc tổ chức Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài có chính sách xúc tiến đầu tư hiệu quả, riêng biệt với các đối tác cụ thể; đưa ra các chính sách ưu đãi phù hợp, có trọng tâm, có khả năng cạnh tranh với các đối thủ trong khu vực; Các doanh nghiệp trong nước cần đổi mới, đẩy mạnh cải cách để có thể tận dụng được làn sóng đầu tư về công nghệ, vốn, kinh nghiệm từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Đối với các cơ quan quản lý nhà nước

Các cơ quan quản lý nhà nước có vai trò trọng tâm trong quá trình xây dựng, thiết kế, thực thi và điều chỉnh chính sách thu hút FDI. Để nâng cao hiệu quả trong giai đoạn tới, cần đặt trọng tâm vào việc chuyển đổi cách tiếp cận từ thu hút FDI theo số lượng sang chọn lọc chất lượng dựa trên các tiêu chí phát triển bền vững tại tất cả các tỉnh thành tại

Việt Nam. Tuy nhiên vấn đề này đòi hỏi việc rà soát và hoàn thiện khung thể chế pháp lý phải được thực hiện thường xuyên, theo hướng đồng bộ, minh bạch và nhất quán giữa các luật liên quan như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường và Luật Đất đai. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả hơn giữa các bộ, ngành và địa phương trong quá trình cấp phép, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, nhằm tránh tình trạng phân mảnh và chồng chéo trong thực thi chính sách.

Một khuyến nghị quan trọng khác là phát triển hệ thống đánh giá hiệu quả FDI không chỉ dựa trên số vốn đăng ký hay giải ngân, mà cần tích hợp các chỉ số về chuyển giao công nghệ, liên kết chuỗi cung ứng nội địa, đóng góp vào nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường và an sinh xã hội. Song song với cải cách thể chế, cần nâng cao năng lực quản trị và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ tại các cơ quan quản lý đầu tư ở trung ương và địa phương.

Đối với các doanh nghiệp FDI

Trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển hướng sang phát triển bền vững, các doanh nghiệp FDI cần tái định vị chiến lược hoạt động tại thị trường Việt Nam theo hướng gắn kết dài hạn, có trách nhiệm xã hội và thúc đẩy giá trị lan tỏa. Trước hết, các doanh nghiệp FDI cần chủ động tham gia chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và kết nối chuỗi cung ứng với các doanh nghiệp nội địa. Bên cạnh yếu tố kinh tế, doanh nghiệp FDI cần nâng cao cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường, lao động, và quản trị doanh nghiệp theo chuẩn quốc tế. Việc tích hợp bộ tiêu chí ESG, kinh tế tuần hoàn, kinh tế bền vững và đạo đức kinh doanh vào quy trình sản xuất, báo cáo thường niên và quản lý nội bộ không chỉ góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp có trách nhiệm, mà còn tăng khả năng tiếp cận thị trường, nguồn vốn và niềm tin từ cộng đồng. Đồng thời, doanh nghiệp FDI cần tích cực tham gia đối thoại chính sách, đóng góp phản biện xây dựng pháp luật và phối hợp với cơ quan chức năng trong việc thực hiện các sáng kiến phát triển bền vững cấp ngành và địa phương.

Khuyến nghị đối với doanh nghiệp trong nước

Doanh nghiệp trong nước đóng vai trò then chốt trong việc hấp thụ và lan tỏa các giá trị từ khu vực FDI sang nền kinh tế nội địa. Tuy nhiên, hiện nay phần lớn doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế về quy mô, công nghệ, năng lực quản trị, nguồn nhân lực và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế, dẫn đến tình trạng liên kết với FDI còn mờ nhạt. Để thúc đẩy chất lượng doanh nghiệp trong nước thì các doanh nghiệp này cần chủ động đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ kỹ thuật và nghiên cứu ứng dụng. Việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, tiêu chuẩn hóa sản phẩm, và cải tiến quy trình sản xuất sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận được cơ hội tham gia chuỗi giá trị do FDI dẫn dắt.

Ngoài ra, doanh nghiệp trong nước cần đẩy mạnh chiến lược số hóa và phát triển bền vững, hướng tới các mô hình sản xuất ứng dụng trí tuệ nhân tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả và quản trị doanh nghiệp minh bạch. Việc tích cực tiếp cận tín dụng xanh, ứng dụng công nghệ sạch và triển khai báo cáo phát triển bền vững sẽ không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh, mà còn đáp ứng kỳ vọng hợp tác từ các tập đoàn FDI quốc tế. Đồng thời, doanh nghiệp Việt cần mở rộng hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức trung gian để nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, tạo ra giá trị gia tăng cao hơn từ các sản phẩm và dịch vụ trong nước.

Một khuyến nghị quan trọng khác là tăng cường tham gia các hiệp hội ngành nghề, cụm liên kết và mạng lưới doanh nghiệp để hình thành tiếng nói tập thể, chia sẻ kinh nghiệm và kết nối trực tiếp với doanh nghiệp FDI. Trong dài hạn, việc hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp nội địa đủ mạnh chính là điều kiện tiên quyết để FDI tại Việt Nam trở thành một động lực lan tỏa thực chất, thay vì chỉ là nguồn vốn ngoại đơn thuần.

Tài liệu tham khảo:

Alkathiri, N. A., and Soliman, M. (2022). Examining foreign direct investment determinants of tourism industry in Oman and Egypt: The moderating role of investment environment. International Journal of Finance and Economics, 27(4), 4722-4740. https://doi.org/10.1002/ijfe.2396.

Dang, T. C., Banh, T. T., Trinh, T. H., Hoang, T. V., and Doan, T. N. H. (2023). Territorial Marketing Impacts on Foreign Direct Investment Attraction (Empirical Evidence in Nghe An Province, Vietnam). Cogent Economics and Finance, 11(1), 2197367. https://doi.org/10.1080/23322039.2023.2197367.

Dunning, J. H. (2015). The eclectic paradigm of international production: A restatement and some possible extensions. The Eclectic Paradigm: A Framework for Synthesizing and Comparing Theories of International Business from Different Disciplines or Perspectives, 50-84.

Hương, N.T.M., Kiều Thị Mai, K.T. (2021), Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực nông nghiệp ở Hà Nội, Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ-Đại Học Đà Nẵng, số 9, 1-8.

Islam, M. S., and Beloucif, A. (2024). Determinants of Foreign Direct Investment: A Systematic Review of the Empirical Studies. Foreign Trade Review, 59(2), 309-337. https://doi.org/10.1177/00157325231158846

Kim, T. D. T. (2021). Attraction of foreign direct investment in agriculture. Accounting, 7(6), 1407-1416.

Lưu Quốc Phong, Hoàng Hoa Sơn Trà, Phan Thành Nhân (2025). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Bình Dương, https://nghiencuu.tapchikinhtetaichinh.vn/phan-tich-cac-yeu-to-anh-huong-den-thu-hut-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-tai-binh-duong-78937.html

Ngo Phuc Hanh, Nguyen The Vinh, Vu Thi Tam, Nguyen Nam Khanh (2024). Factors affecting the implementation of fdi attraction policies in Vietnam, Advances and Applications in Statistics, 91(10), 1315-1330.

Paul, J., and Benito, G. R. G. (2018). A review of research on outward foreign direct investment from emerging countries, including China: What do we know, how do we know and where should we be heading? Asia Pacific Business Review, 24(1), 90-115. https://doi.org/10.1080/13602381.2017.1357316.

Phạm Đức Tài (2025). Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong điều kiện thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, Số 7 tháng 3 năm 2025.